CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP ICD Tân Cảng - Long Bình

Ngày 31/12/2024	34,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	30.8%	**32.4%**	**24.2%**

DT thuần
Q4/24
132
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.00| 2.2%
YoY: ▼5.00| -3.8%

LN thuần
Q4/24
35.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.50| 1.4%
YoY: ▲ 3.30| 10.1%

LN sau thuế
Q4/24
28.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.80| -2.7%
YoY: ▲ 2.40| 9.4%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
30.2%
YoY: +/-▲ 0.7%

ROE
2024
17.9%
YoY: +/-▼ 0.5%

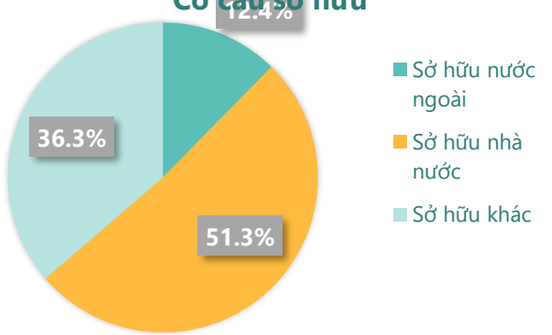
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	21,383 - 27,957
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	843
Số lượng CPLH (CP)	24,502,245
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,625
Sở hữu nước ngoài	12.4%
Beta	0.16
EPS	4,123
P/E	8.3

DT thuần
2024
493
tỷ VNĐ
YoY: ▼39.0| -7.3%

LN thuần
2024
128
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.00| -1.6%

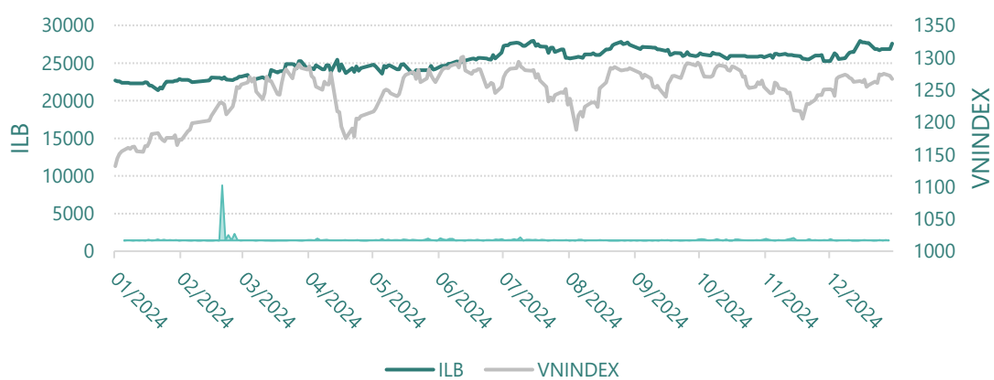
LN sau thuế
2024
103
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.00| -0.7%

Cơ cấu sở hữu

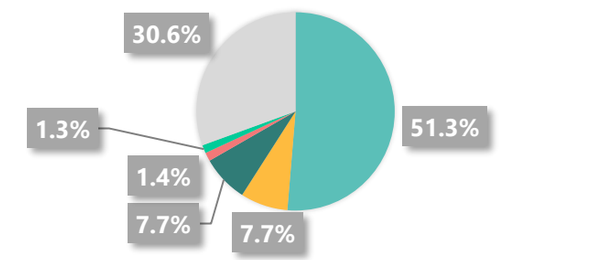


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



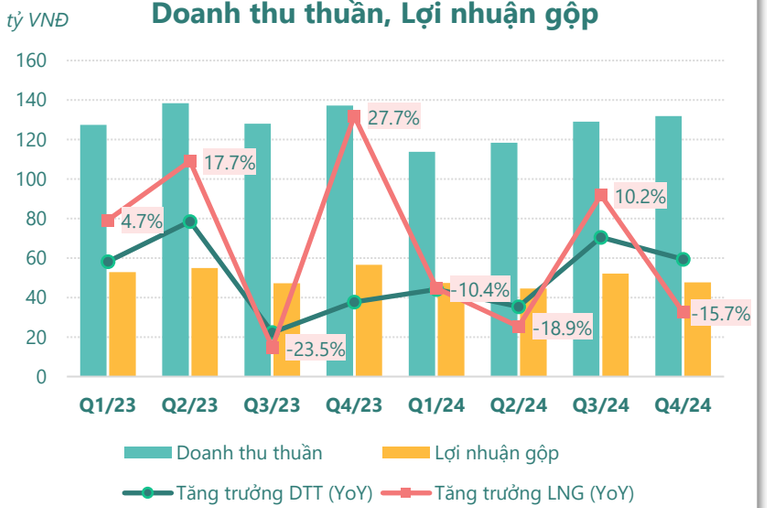
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

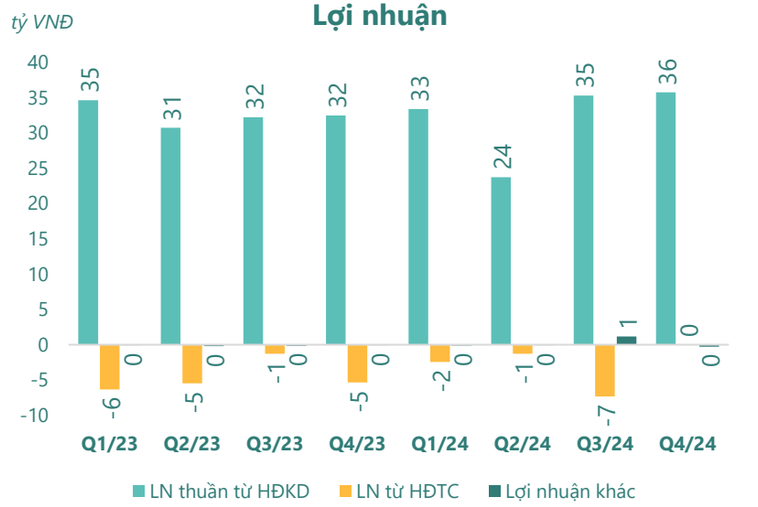
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



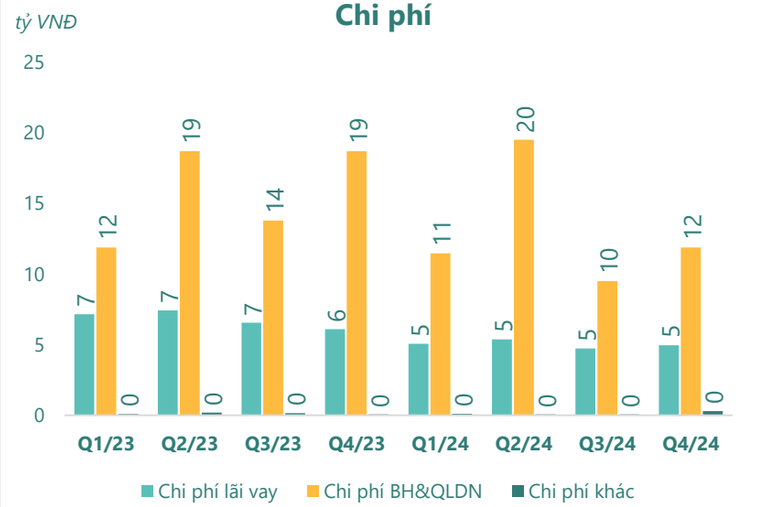
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



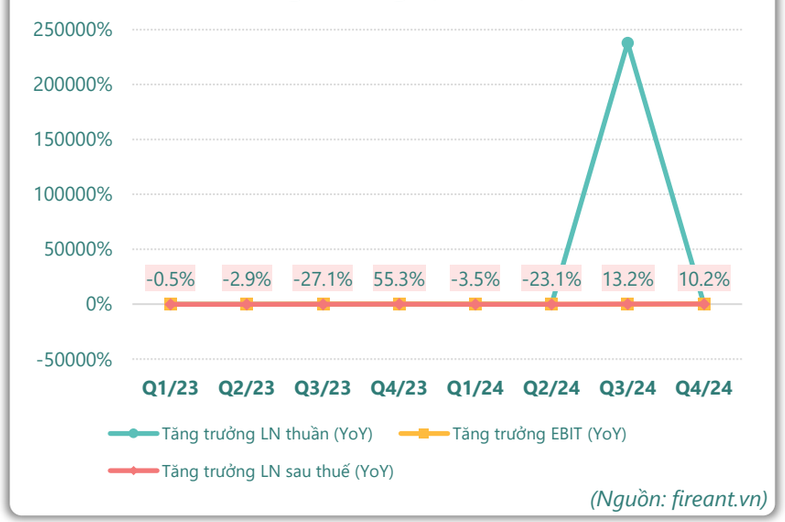
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



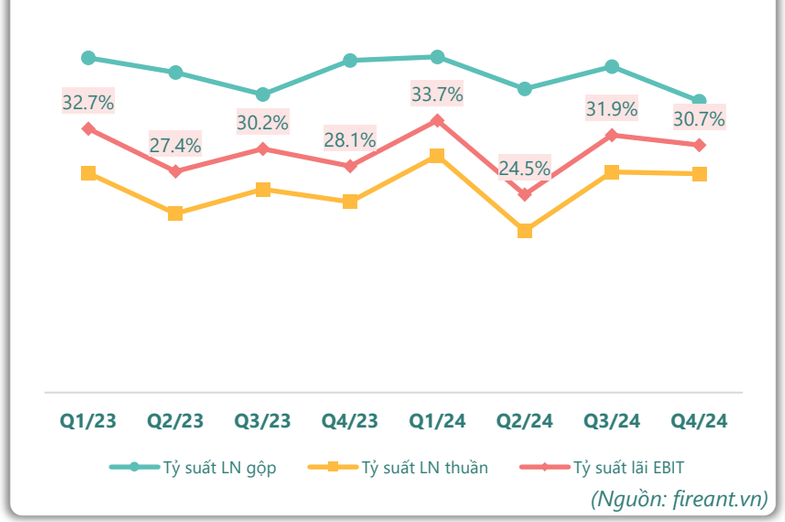
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



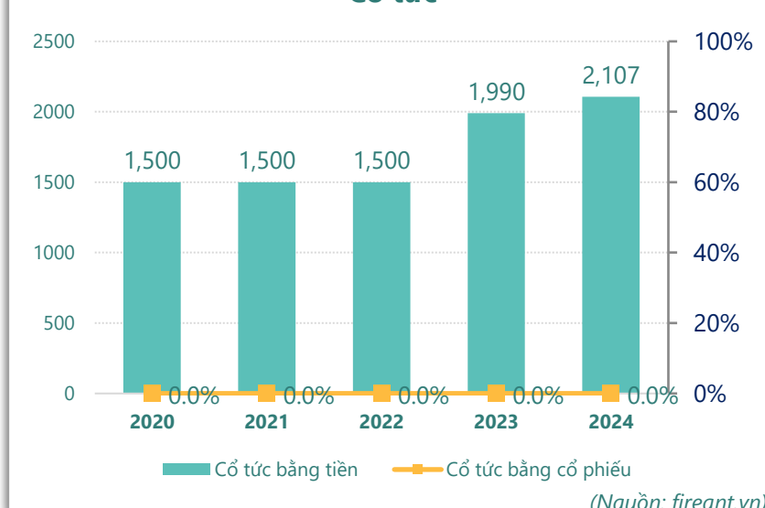
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

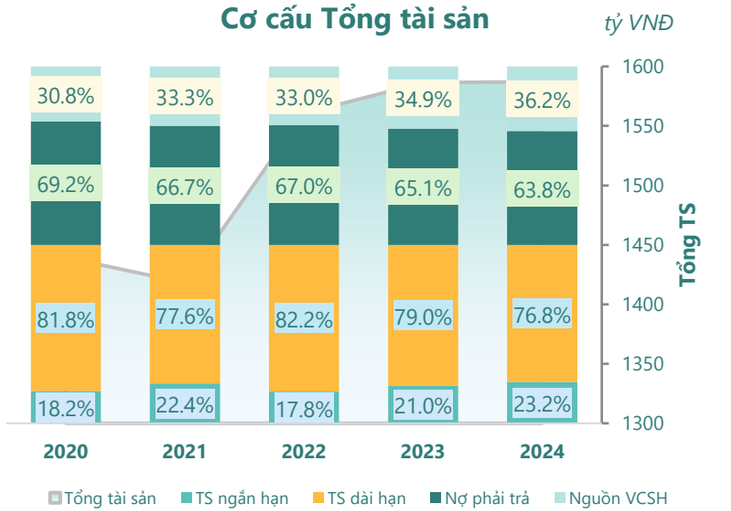
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

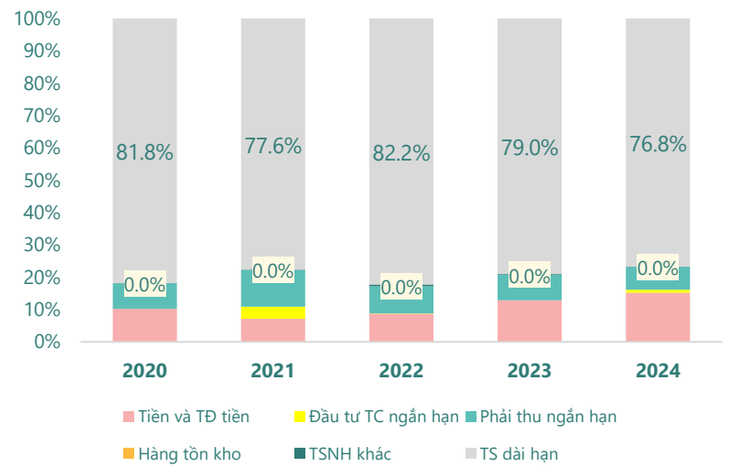
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



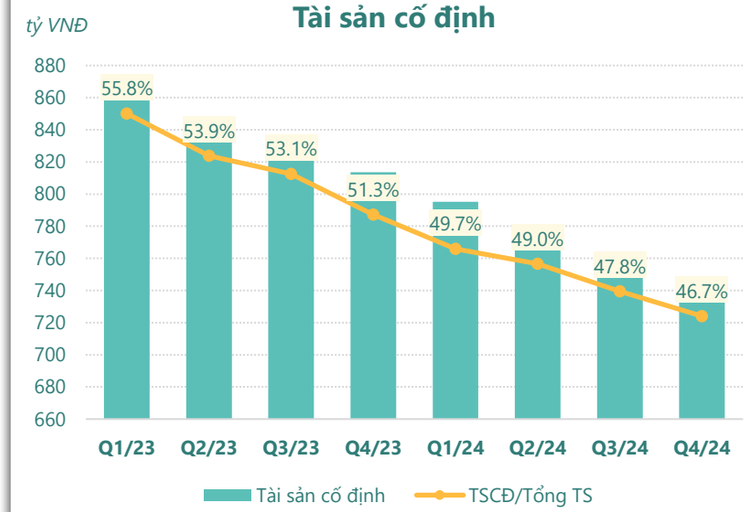
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



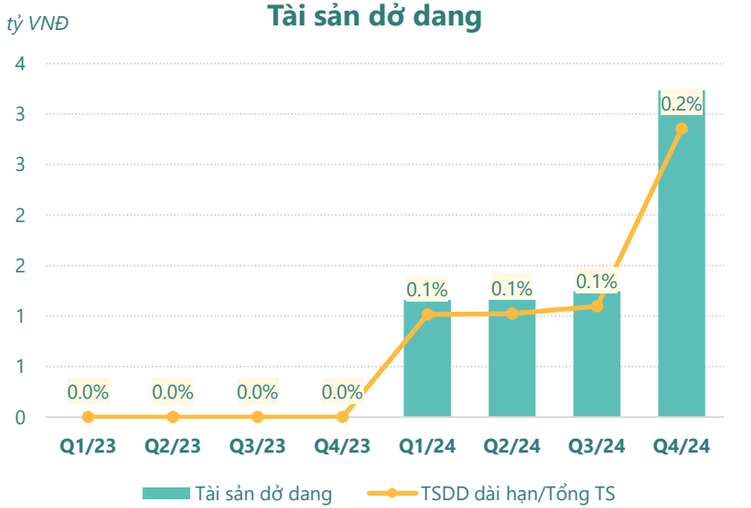
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



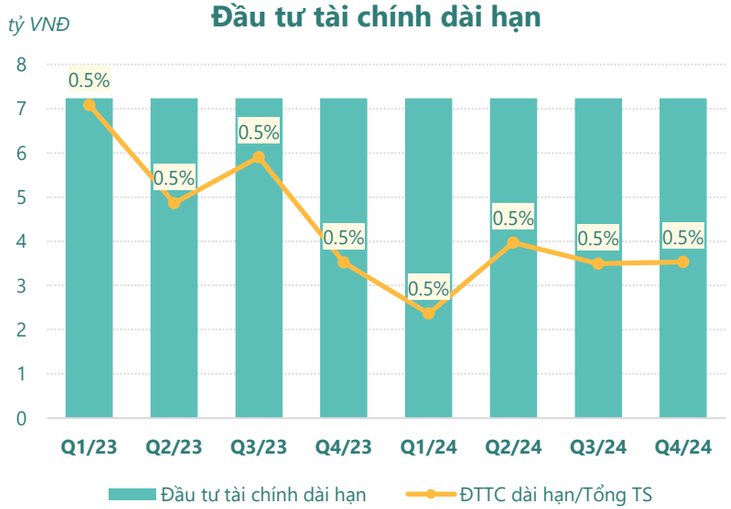
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



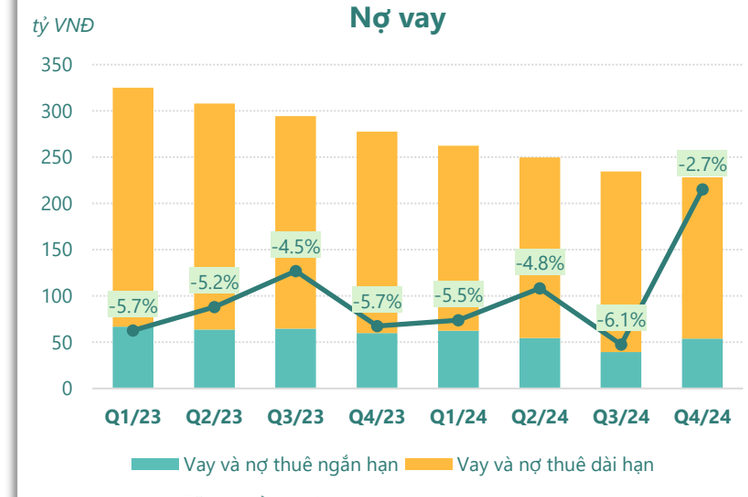
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

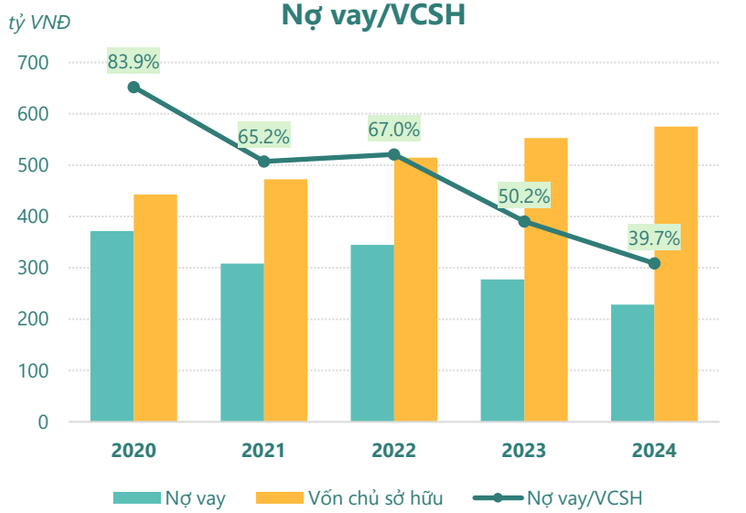
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

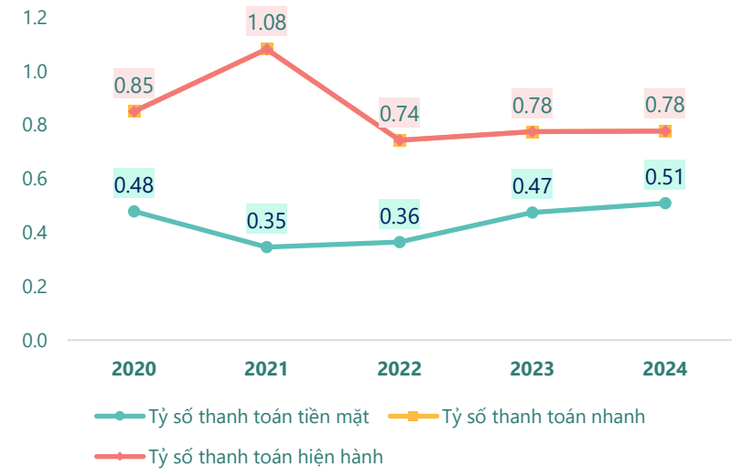
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



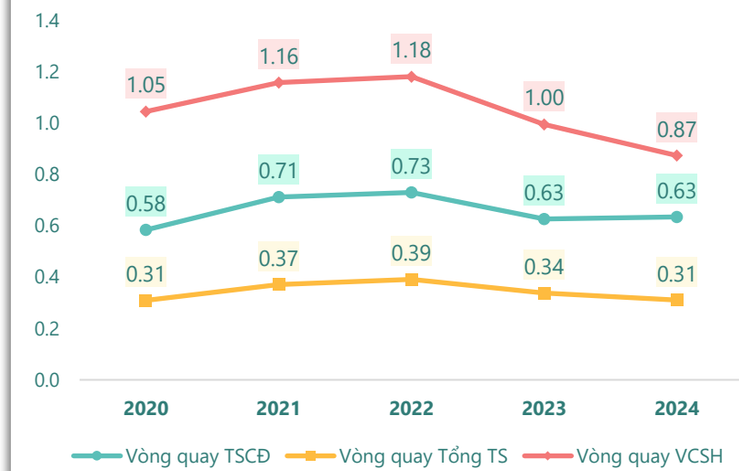
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



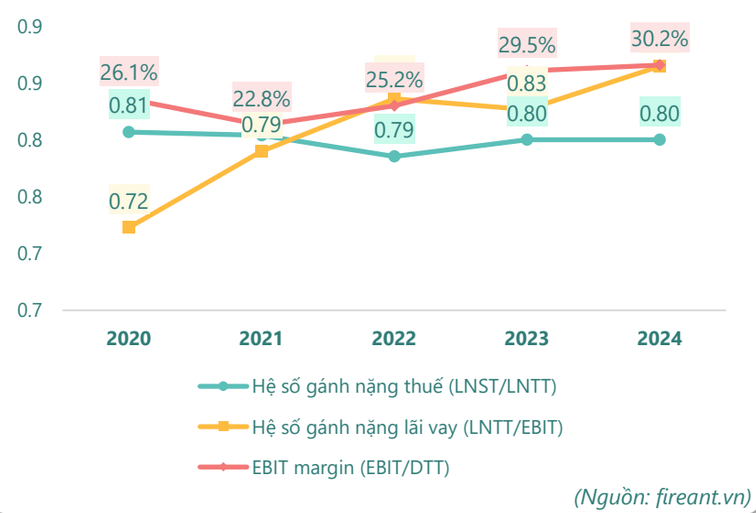
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



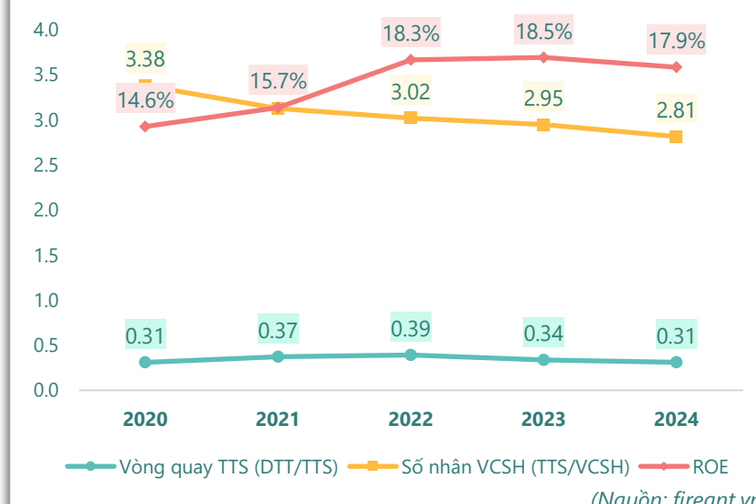
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



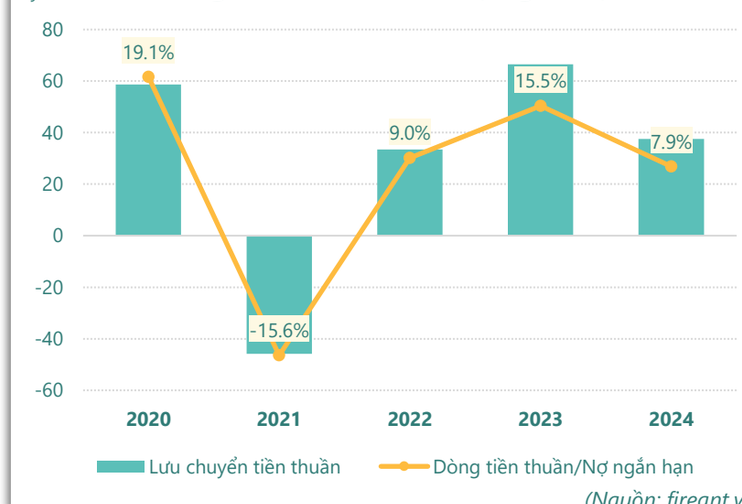
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**132**	**137**	**-3.8%**	**493**	**532**	**-7.3%**
Giá vốn hàng bán	84.2	80.7	4.3%	301	321	-6.2%
Lợi nhuận gộp	47.6	56.5	-15.7%	192	210	-8.9%
Doanh thu HĐTC	5.05	1.15	339%	12.5	8.99	38.9%
Chi phí TC	5.02	6.50	-22.7%	23.6	27.5	-14.2%
Chi phí lãi vay	4.96	6.11	-18.9%	20.1	27.2	-26.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.52	1.56	-2.9%	4.17	3.78	10.4%
Chi phí QLDN	**10.4**	**17.2**	**-39.7%**	**48.2**	**57.9**	**-16.7%**
LN thuần từ HĐKD	35.8	32.5	10.1%	128	130	-1.6%
Lợi nhuận khác	**-0.29**	**-0.06**	**-385%**	**0.70**	**-0.49**	**242%**
LN trước thuế	35.5	32.4	9.5%	129	130	-0.7%
Lợi nhuận sau thuế	**28.3**	**25.9**	**9.4%**	**103**	**104**	**-0.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**28.3**	**25.9**	**9.4%**	**101**	**98.5**	**2.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	50.3	31.8	41.5	20.0	59.9	77.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	52.1	-11.4	-14.4	-18.0	-2.30	-23.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-31.7	-41.1	-15.4	-16.3	-34.3	-37.6
Tiền đầu kỳ	144	214	204	216	205	225
Lưu chuyển tiền thuần	**70.7**	**-20.8**	**11.7**	**-14.3**	**23.4**	**16.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.03	1.61	0	3.39	-3.39	0
Tiền cuối kỳ	214	195	216	205	225	242

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,587**	**1,586**	**0.1%**
Tài sản ngắn hạn	369	333	10.7%
Tiền và tương đương tiền	242	204	18.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.4	0	
Phải thu ngắn hạn	112	126	-11.2%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	1.08	3.34	-67.7%
Tài sản dài hạn	**1,218**	**1,253**	**-2.8%**
Phải thu dài hạn	2.69	2.69	0.0%
Tài sản cố định	741	814	-9.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.24	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	7.24	7.24	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**465**	**429**	**8.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,012	1,033	-2.0%
Nợ ngắn hạn	**475**	**430**	**10.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	53.9	60.0	-10.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	225	229	-1.6%
Nợ dài hạn	537	603	-10.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	174	218	-19.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**575**	**553**	**4.0%**
Vốn chủ sở hữu	**575**	**553**	**4.0%**
Vốn điều lệ	245	245	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)